TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-PT
Ngày: 26 – 03 - 2019
V/v: Tranh chấp về các quyền khác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dụ

Các thẩm phán: Ông Lương Văn Can

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Ông Bùi Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLPT- DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp các quyền khác.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 08-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐPT- DS ngày 08 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1958; trú tại: Thôn chợ Bến, xã Cao Thắng, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* **Anh Bùi Chí H**, sinh năm: 1983; trú tại: Khu T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình; anh H uỷ quyền cho chị Bùi Thuý A (chị gái ruột) sinh năm 1982 tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 11-12-2017); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị L văn phòng Luật sư Hải Thiên thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hoà Bình; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thúy M, sinh năm 1959; trú tại: khu T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

Chị Bùi Thúy A, sinh năm 1982; trú tại: khu T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

Chị Bùi Hiền Tr, sinh năm 1991; trú tại: khu T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình; chị Tr ủy quyền cho chị Bùi Thuý A (chị gái ruột) sinh năm 1982 tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 11-12-2017); có mặt.

Bà Bùi Thị H, sinh năm 1967; trú tại: Thôn chợ B, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

Bảo hiểm xã hội huyện L, tỉnh Hòa Bình; địa chỉ: Xóm M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị H, chức vụ Giám đốc; có mặt.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Hòa Bình; địa chỉ: số 393, đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh H, chức vụ Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ Trưởng phòng chế độ Bảo hiểm xã hội tỉnh Hòa Bình (văn bản ủy quyền số 350/GUQ-BHXH, ngày 21-03-2019); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Bùi Chí H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Gia đình nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và gia đình ông Nguyễn Huy L là chỗ thân thiết, kết nghĩa anh em từ khi còn học cấp III. Ông L và bà C có hai con chung (Bùi Thúy A sinh năm 1982, Bùi Chí H sinh năm 1983). Sau khi bà C chết, ông L kết hôn với bà Nguyễn Thúy M (em gái bà C) có một con chung (Bùi Huyền Tr sinh năm 1991); ông L không có con nuôi.

Để phục vụ cho nhu cầu của gia đình, tháng 8 năm 2014 ông L viết giấy vay tiền, nội dung: Ông L nhờ bà H vay tiền, vàng giúp cho gia đình ông. Bà H đã vay của bà Bùi Thị H (cùng xóm với bà H) số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng). Từ khi vay số tiền 35.000.000đ, ông L chưa trả được nợ phải viết giấy khất nợ 03 lần (ngày 14-6-2015, 15-7-2015 và ngày 18-8-2015). Ngày 18-8-2015 khi viết giấy khất nợ lần ba, ông L vay thêm 4,5 chỉ vàng nõn. Sau đó, ông L bị bệnh ung thư dạ dày giai đoạn muộn phải điều trị hơn một năm. Khi nhờ bà H vay tiền, vàng; ông L giao cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thúy M (vợ ông L).

Ngày 23-9-2015 ông L ly hôn với bà M. Tháng 03 năm 2016 ông L cắt khẩu từ thị trấn B, huyện K và nhập hộ khẩu cùng bà Nguyễn Thị H, địa chỉ xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 27-3-2017 ông L và bà Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn, hai người không có con chung. Ngày 25-4-2017 ông L chết do bị bệnh. Khi chết ông L để lại số nợ 35.000.000đ và 4,5 chỉ vàng nõn.

Trước khi nhập khẩu về ở với bà H, ông L bị bệnh ung thư dạ dày giai đoạn muộn phải truyền hóa chất 10 lần (ở bệnh viện tỉnh Hòa Bình 07 lần và bệnh viện Trung ương 03 lần), trong thời gian ông L điều trị bệnh, bà H đã chi phí trên 200.000.000đ, chưa tính công chăm sóc của bà.

Bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất (nhà cấp 4 trên đất) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thúy M, trả nợ cho bà tiền, vàng mà bà đã vay giúp cho gia đình ông L từ năm 2014, 2015.

Ngày 16-4-2018 bà H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Rút yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất trên đất có nhà xây cấp 4 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thúy M); giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tiền Tuất một lần của ông L; trả nợ tiền, vàng cho ông L lúc còn sống nhờ bà vay giúp (35.000.000đ, 4,5 chỉ vàng có giá trị 16.000.000đ; cộng 51.000.000đ); bổ sung yêu cầu được thanh toán chi phí chữa bệnh cho ông L, số tiền 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng); tổng cộng **137.000.000đ** (BL 64).

Nguồn tiền thanh toán là khoản tiền chế độ tử tuất một lần 204.747.000đ của ông L đang được quản lý tại Bảo hiểm xã hội huyện L, Bảo hiểm xã hội tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn anh Bùi Chí H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Bùi Thúy A và chị Bùi Hiền Tr) đứng về phía anh H trình bày

Ông Bùi Huy L là cha đẻ của anh (Bùi Chí H), chị Bùi Thúy A và chị Bùi Hiền Tr. Anh H, chị A và chị Tr là anh, chị em cùng cha khác mẹ, ông L không có con nuôi.

Quyền sử dụng đất 119, 25m² và ngôi nhà xây cấp 4 trên đất, có địa chỉ Khu T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thúy M) là tài sản riêng của bà M (mẹ kế của các anh, chị) không liên quan đến bố anh (ông L). Việc bà H yêu cầu chia thừa kế tài sản là nhà, đất đứng tên bà Nguyễn Thúy M (mẹ kế của anh) anh không nhất trí. Nay bà H rút yêu cầu này, anh không có ý kiến gì.

Anh H, chị A, chị Tr biết việc ông L nhờ bà H vay tiền và vàng giúp khi bà H gửi giấy vay nợ đến Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình, nhưng bà H đã nhận lương hưu của ông L để trừ dần số nợ trên, đề nghị Tòa xem xét.

Thời điểm ông L đi chữa bệnh, bà H là người thường xuyên chăm sóc ông L, nhưng chị A, anh H và chị Tr có thăm, chăm sóc và gửi tiền cho bà H để lo chi phí chữa bệnh cho ông L. Khi ông L chết anh H là người lo mai táng. Ông L chết để lại di chúc giao cho anh H lĩnh chế độ của ông L sau khi ông chết. Toàn bộ tiền Tuất một lần của ông L được định đoạt theo di chúc của ông L nên không thể chia và trả nợ cho bà H.Việc bà H yêu cầu được thanh toán các khoản chi phí chữa bệnh cho ông L là không có căn cứ.

Anh H có yêu cầu độc lập được thanh toán khoản tiền mai táng phí cho ông L, dự kiến di chuyển mộ của mẹ anh (bà C) từ huyện K về huyện Y, tổng cộng số tiền 100.165.000đ. Nguồn tiền thanh toán là khoản tiền chế độ tử tuất một lần 204.747.000đ của ông L đang được quản lý tại Bảo hiểm xã hội huyện L, Bảo hiểm xã hội tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thúy M trình bày:

Xác nhận bà và ông L đã ly hôn ngày 23-9-2015. Nhà, đất ở khu T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà (Nguyễn Thúy M) là tài sản riêng của bà, mua năm 1997 của công ty lương thực huyện K. Nay bà H rút yêu cầu chia thừa kế là nhà, đất mang tên bà, bà không có ý kiến. Việc ông L tự ý mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà để vay tiền là trái pháp luật, bà yêu cầu bà Hảo phải trả lại giấy chứng nhân quyền sử dụng đất cho bà.

Bùi Thị Hảo trình bày:

Năm 2014 bà H đưa ông L đến gặp bà, ông L hỏi vay tiền của bà. Ngày 05-8-2014 bà đồng ý cho ông L vay số tiền 35.000.000đ. Khi ông L vay tiền của bà, bà H hứa sẽ có trách nhiệm trả tiền thay ông L nên bà đồng ý. Ông L để lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thúy M để làm tin, hẹn tháng 10 năm 2014 sẽ trả đủ. Tháng 8 năm 2015 ông L vay thêm 4,5 chỉ vàng. Trong giấy vay nợ không ghi lãi suất nhưng bà yêu cầu ông L, bà H phải trả tiền lãi cho bà theo quy định của pháp luật.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Hòa Bình trình bày (Văn bản số 687 ngày 29/6/2018):

Ông Bùi Huy L sinh ngày 03-10-1956, sổ bảo hiểm xã hội số: 2497011672, hưởng lương hưu kể từ ngày 01-11-2016 mức lương 4.234.000đ/tháng, đã chết ngày 24-5-2017. Thân nhân không có ai đủ điều kiện hưởng trợ cấp Tuất hàng tháng, nên được hưởng trợ cấp Tuất một lần là 204.747.000đ *(hai trăm linh bốn triệu, bảy trăm bốn bảy nghìn)* Trong đó: Tiền trợ cấp mai táng phí là: 12.100.000đ; tiền trợ cấp Tuất một lần là: 192.647.000đ. Do các thân nhân của ông L không thống nhất được việc cử người đại diện để kê

khai và nhận tiền Bảo hiểm xã hội nên chưa giải quyết chế độ chi trả cho ông L theo quy định.

- Đại diện Bảo hiểm xã hội huyện L (Bà Trần Thị H) trình bày:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện L thanh toán tiền Tuất một lần của ông L. Anh Bùi Chí H cung cấp di chúc của ông L yêu cầu thanh toán tiền Tuất một lần của ông L. Cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện L đã hướng dẫn các bên cử đại diện để làm thủ tục nhận tiền trợ cấp Tuất một lần của ông Bùi Huy L nhưng gia đình không thỏa thuận được nên Bảo hiểm xã hội chưa chi trả khoản tiền Tuất một lần cho ông L. Sau khi có quyết định của bản án, cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện L sẽ thực hiện việc chi trả tiền Tuất một lần của ông L theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST, ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5, điều 26, khoản 1 điều 35, điểm a, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 70, điều 147, khoản 4 điều 207, điểm c khoản 1 điều 217, điều 271 và điều 273 bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các điều 612, 615, 624, 627,630 bộ luật Dân sự năm 2015;Căn cứ vào điều 26 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về thu, miễn, giảm,nộp án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại và chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất; nhà trên đất mang tên bà Nguyễn Thúy Mcủa bà Nguyễn Thị H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc thực hiện nghĩa vụ của ông L để lại.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chí H về việc buộc thực hiện nghĩa vụ của ông L để lại.

Xác nhận khoản tiền bảo hiểm Tuất một lần của ông Bùi Huy L là 204.747.000đ. Hiện đang do Bảo hiểm xã hội huyện L và Bảo hiểm tỉnh Hòa Bình quản lý và chi trả theo bản án.

Trong đó:

Tiền trợ cấp mai táng phí là: 12.100.000đ được chi trả cho anh Nguyễn Chí H là người trực tiếp mai táng ông L.

Xác định Di sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông L cho bà H và anh H là 192.647.000đ.

Bà Nguyễn Thị H được chi trả số tiền là 133.273 200đ.

Anh Nguyễn Chí H được chi trả số tiền 55.647.000đ. Tổng cộng anh H được nhận hai khoản là 67.747.000đ.

4. Về án phí: Bà nguyễn Thị H được trả lại 4.530.000đ tiền dự phí án phí Dân sự sơ thẩm, anh Bùi Chí H được trả lại 2.500.000đ tiền dự phí án phí Dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21-11-2018, anh Bùi Chí H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cam đoan sau khi nhận được số tiền theo quyết định của bản án thì sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB490026 mang tên bà Nguyễn Thúy Mdo Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 01-04-2010 cho gia đình bà Nguyễn Thúy M.

Người được anh Bùi Chí H ủy quyền (chị Bùi Thúy A) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Giữa các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Bùi Chí H trình bày:

Thân nhân của ông Bùi Huy L (Bà H, chị A, anh H và chị Tr) được hưởng tiền Tuất một lần của ông Bùi Huy L theo khoản 4 Điều 69 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp thừa kế tài sản là sai quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng: Giấy vay nợ của ông L do bà Nguyễn Thị H xuất trình đều là bản phô tô, giấy xác nhận của bà Lê Thị Duyên có nội dung đã nhận tiền từ bà H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà D tham gia tố tụng; xác định giá vàng theo lời khai của nguyên đơn bà H nhưng không có giấy báo giá vàng; các hóa đơn điều trị cho ông L tại các bệnh viện nhưng bà H không phô tô gửi cho bị đơn là không đúng. Bản án sơ thẩm có vi phạm về tố tụng và nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Bùi Thúy A được anh H ủy quyền trình bày: Bố, mẹ đẻ của ông L chết trước ông L. Chữ viết, chữ ký ghi tên ông Bùi Huy L trong Giấy vay tiền đề ngày 05-08-2014 (nội dung ông L nhờ bà H vay giúp số tiền 35.000.000đ), giấy khất nợ lần 01 đề ngày 14-06-2015, giấy khất nợ lần 02 đề ngày 15-07-2015; giấy khất nợ lần 03 đề ngày 18-08-2015 có nội dung ông L vay thêm 4,5 chỉ vàng; mục đích vay mua máy vi tính củng cố kinh tế gia đình; đúng là chữ viết, chữ ký của bố chị (ông Bùi Huy L). Chị A cho rằng bà H lĩnh lương của ông L trừ nợ. Việc bố chị (ông L) đi chữa bệnh thì chị, anh H, chị Tr có gửi tiền cho bà H để bà H lo chữa bệnh cho ông L; khi giao tiền cho bà H, các chị và anh H

không có giấy tờ chứng minh việc đã giao tiền cho bà H. Bà H không phô tô các hóa đơn thuốc viện phí điều trị bệnh cho ông L gửi cho anh H và các chị nên các anh chị không biết, đề nghị Tòa xem xét

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tuân thủ đúng quy định về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn (anh H) cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là không đúng thẩm quyền, điều đó là không đúng. Căn cứ Điều 612 Bộ luật dân sự thì khoản tiền Tuất 01 lần của ông L là di sản thừa kế. Trước khi chết ông L để lại di chúc, di chúc được công chứng nên hợp pháp. Tuy nhiên, trước đó ông L có nhờ bà H vay nợ tiền, vàng phục vụ cho gia đình ông L (35.000.000đ và 4,5 chỉ vàng) hiện còn nợ chưa thanh toán; bà H bỏ tiền chi phí điều trị bệnh cho ông L nên những người được hưởng thừa kế của ông L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của cho ông L bằng tiền Tuất 01 lần của ông L theo Điều 615 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa chị A thừa nhận chữ viết trong giấy vay nợ, các giấy khất nợ là chữ viết, chữ ký cua ông L. Trước khi kết hôn với ông L, ông L điều trị bệnh tại các bệnh viện có hóa đơn, chứng từ bà H đã thanh toán. Do đó kháng cáo của anh Bùi Chí H yêu cầu được hưởng toàn bộ số tiền tuất 01 lần của ông L là không có cơ sở. Đề nghị bác kháng cáo của anh H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm tính toán số liệu chưa chính xác, cần tính toán lại cho đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản là nhà, đất khu T, thị trấn B, huyện K mang tên bà Nguyễn Thúy M. Bị đơn anh Bùi Chí H, có địa chỉ tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Bởi vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết vụ án là đúng với quy định khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút yêu cầu chia thừa kế tài sản là nhà, đất khu T, thị trấn B, huyện K mang tên bà Nguyễn Thúy M, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là đúng pháp luật.

Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn còn tranh chấp tiền Tuất một lần của ông L, đồng thời yêu cầu thanh toán nghĩa vụ của người chết để lại, chi phí điều trị

bệnh của ông L trước khi chết, chi phí mai táng. Đây là tranh chấp về các quyền khác đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp như ban đầu khởi kiện "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là chưa chính xác.

[2] Về nội dung.

Điều 612 Bộ luật dân sự quy định: Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác.

Ngày 08-5-2017 ông L lập di chúc, giao con trai (Bùi Chí H) được lĩnh tiền tuất cùng các chế độ khác của ông L để lo tang lễ, làm mộ phần cho ông L và thanh toán các chi phí khác. Di chúc được công chứng.

Theo cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Hoà Bình (Văn bản số 687/BHXH-CĐBHXH ngày 29-6-2018), ông L chết ngày 25-04-2017; được hưởng trợ cấp Tuất một lần, số tiền 204.747.000đ *(hai trăm linh bốn triệu, bảy trăm bốn bảy nghìn);* trong đó: Trợ cấp mai táng phí 12.100.000đ (chi trả cho người trực tiếp mai táng); tiền trợ cấp Tuất một lần: 192.647.000đ.

Như vậy, căn cứ vào quy định của Bộ luật dân sự thì số tiền trợ cấp tuất một lần của ông L không phải là di sản thừa kế. Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh H cho rằng tiền tuất một lần của ông L không phải là di sản thừa kế là đúng.

Trợ cấp tiền tuất là một chế độ bảo hiểm xã hội và là một quyền về tài sản gắn liền với người chết phát sinh khi người này chết. Việc chi trả cho thân nhân người chết theo quy định của Luật quan bảo hiểm, không phụ thuộc vào ý chí của người để lại di chúc. Do đó, trước khi chết ông L không có quyền định đoạt số tiền tuất một lần. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định di chúc của ông L hợp pháp là không đúng.

Thân nhân của ông L đủ điều kiện được hưởng chế độ trợ cấp Tuất một lần gồm: Vợ ông L (bà H) và các con của ông L (chị A, anh H và chị Tr).

Tuy nhiên khi còn sống ông L còn nợ tiền, vàng của bà H (vay giúp ông L trước khi ông L kết hôn với bà H), bà H đã lo chi phí chữa bệnh cho ông L trước và sau khi kết hôn với ông L; anh H đứng ra lo mai táng cho ông L. Do đó, cần ưu tiên thanh toán các khoản này, còn dư mới thanh toán cho thân nhân của ông L.

Về số nợ của ông L trước khi chết:

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm anh H khai có biết việc ông L nợ tiền, vàng của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm chị A thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền, các giấy khất nợ (lần 1, lần 2, lần 3) đúng là chữ do bố chị (ông L) viết và ký. Thời điểm giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, giá vàng trên thị trường là 3.550.000/chỉ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông L có nợ bà H

51.000.000đ (35.000.000đ và 4,5 chỉ vàng x 3.550.000/chỉ = 16.000.000đ) là có căn cứ, đúng pháp luật.

***Chi phí khám và chữa bệnh cho ông L*:**

Theo các hóa đơn chứng từ do bà H cung cấp, ông L khám và điều trị tại 04 bệnh viện. Chi phí cho việc khám, điều trị cho ông L tại các bệnh viện (đã làm tròn) như sau:

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình, số tiền: 36.600.000 đồng.

Bệnh viện Đa khoa huyện L – tỉnh Hòa Bình, số tiền: 170.000 đồng.

Bệnh viện Bạch Mai – thành phố Hà Nội, số tiền: 1.980.000 đồng.

Bệnh viện K Tân Triều- Hà Nội, số tiền: 41.250.000 đồng.

Tổng cộng chi phí tại 04 bệnh viện: 80.000.000 đồng. Đây là chi phí tiền thuốc, viện phí có hóa đơn chứng từ hợp lệ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận bà H là người chi phí toàn bộ số tiền này là đúng, nhưng do tính toán số liệu là 82.273.000 đồng chưa chính xác cần sửa lại cho đúng.

Ngoài ra bà H kê khai yêu cầu được thanh toán số tiền: 44.400.000 đồng (bao gồm: chi phí bồi dưỡng ca mổ: 5.000.000 đồng, mua dụng cụ mổ: 3.000.000 đồng, mua 5 mũi tiêm cấp cứu 2.500.000 đồng, mua 03 máu và 02 túi hồng cầu: 3.700.000 đồng, tiền phòng tự nguyện 51 ngày: 30.200.000 đồng). Tuy nhiên những chi phí này không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở.

Chị A, anh H và chị Tr cho rằng: các chị và anh H có đưa tiền cho bà H để chữa bệnh cho ông L, nhưng không có giấy tờ hoặc chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ để xem xét.

Chi phí tổ chức mai táng cho ông L:

Anh H là người trực tiếp mai táng cho ông L. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định việc anh H được hưởng trợ cấp mai táng phí 12.100.000 đồng là phù hợp.

Anh H kê khai chi phí mai táng cho ông L, dự kiến di chuyển mộ cho bà C (mẹ chị A và anh H), yêu cầu được thanh toán số tiền 100.165.000 đồng. Tuy nhiên, trên cơ sở các hóa đơn tài liệu kê khai do anh H cung cấp, xét chi phí cần thiết và sự phù hợp với phong tục, tập quán mai táng của địa phương, những chi phí hợp lý cho việc mai táng được thanh toán bằng tiền tuất của ông L bao gồm:

Chi hỏa táng: 35.500.000 đồng.

Mộ đá 01 chiếc: 13.000.000 đồng

Bia mộ 01 chiếc: 500.000 đồng.

Công xây và mua vật liệu (01 mộ): 3.500.000 đồng.

Thuê phông, bạt, bàn ghế tại huyện Y: 2.000.000 đồng.

Đồ làm lễ ngày 22-05-2017: 4.147.000 đồng.

Xe 29 chỗ: 3.000.000 đồng.

Tổng: 61.647.000 đồng.

Ngoài ra, anh H kê khai chi phí thuê rạp, quạt, bàn ghế, cốc chén**;** Khung ảnh, ảnh, bạt, in chữ; Mua đồ lễ (03 ngày). Tuy nhiên do khoản tiền Tuất đã hết không còn nên không có cơ sở để chấp nhận thanh toán.

Anh H dự kiến chi phí chuyển mộ cho mẹ anh (bà C) từ huyện K về huyện Y) số tiền 32.500.000 đồng; trong đó: Mộ đá 01 chiếc: 13.000.000 đồng; 01 bia: 500.000 đồng; công xây và mua vật liệu (01 mộ): 3.500.000 đồng; dự kiến chuyển mộ: 15.000.000 đồng. Theo quy định của Luật bảo hiểm, thì bà C đã chết trước ông L nên không được hưởng khoản tiền tuất một lần của ông L.

Như vậy, khoản tiền tuất một lần của ông L đã được sử dụng để trả nợ của ông L, chi phí chữa bệnh cho ông L và mai táng cho ông L; không còn để thanh toán theo yêu cầu của anh H.

Việc anh H kháng cáo yêu cầu được hưởng toàn bộ tiền Tuất một lần của ông L là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghị bác kháng cáo của anh H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót về tính toán: bản án nhận định bà H chi phí chữa bệnh cho ông L, anh H chi phí mai táng cho ông L nhưng không thống kê cụ thể, chi tiết từng khoản là không đầy đủ, số liệu chưa chính xác. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa án sơ thẩm về phần tính toán là có cơ sở nên chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Chí H về việc yêu cầu được hưởng toàn bộ số tiền tuất một lần của ông Bùi Huy L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST, ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện K về phần số L tính toán.

Áp dụng vào khoản 2, Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 70; Điều 147; khoản 4 Điều 207; điểm c khoản 1 Điều 217,

Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 658 bộ luật Dân sự; khoản 6 Điều 3 Luật bảo hiểm xã hội 2014; Điều 26 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về thu, miễn, giảm, nộp án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản là nhà, đất mang tên bà Nguyễn Thúy M.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bị đơn anh Nguyễn Chí H.

Xác nhận khoản tiền bảo hiểm Tuất một lần của ông Bùi Huy L là 204.747.000đ *(hai trăm linh bốn triệu, bảy trăm bốn bảy nghìn).Trong đó* 12.100.000đ (*Mười hai triệu một trăm nghìn*) tiền trợ cấp mai táng phí; 192.647.000đ (*một trăm chín hai triệu sáu trăm bốn bảy nghìn đồng*) tiền Tuất một lần của ông L.

Cụ thể:

- Anh Bùi Chí H được thanh toán tổng cộng 73.747.000 đồng (bảy mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn), trong đó:

+ 12.100.000 đồng (Mười hai triệu một trăm nghìn), tiền trợ cấp mai táng phí;

+ 61.647.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn), tiền chi phí mai táng.

- Bà Nguyễn Thị H được thanh toán tổng cộng 131.000.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu), trong đó:

+ 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu), trả nợ bà H tiền, vàng.

+ 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu), chi phí chữa bệnh.

Bà Nguyễn Thị H, anh Bùi Chí H liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện L, tỉnh Hòa Bình để được chi trả số tiền theo quyết định của bản án.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H được trả lại 4.530.000 đồng (*bốn triệu năm trăm ba mươi nghìn)* tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001165 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án huyện K.

- Anh Bùi Chí H được trả lại 2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm nghìn)* tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000123 ngày 25-7-2018 của Chi cục Thi hành án huyện K.

- Án phí phúc thẩm: Anh Bùi Chí H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí dân sự

phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000185 ngày 21-11-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
-VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dụ